



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2611218

1. Địa điểm lấy mẫu : TRẠI CỒN BÀN

Địa chỉ: Ấp Long Thành, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

2. Phân loại mẫu : Nước thải

3. Thông tin mẫu : NT1 – Nước thải đầu ra tại ao xử lý XL1. MHM: 2610174

4. Ngày lấy mẫu : 22/06/2026

5. Ngày trả kết quả : 06/07/2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A Kq=0,9; Kf=0,9	Phương pháp phân tích
1	pH	-	8,13	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	15	24,3	SMEWW 5210B:2023
3	COD	mg/L	28	60,75	SMEWW 5220C:2023
4	TSS	mg/L	21	40,5	TCVN 6625:2000
5	S ²⁻ (tính theo H ₂ S)	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	0,162	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023
6	N – NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD = 0,5)	4,05	TCVN 5988:1995
7	Tổng Nitơ	mg/L	9,4	16,2	TCVN 6638:2000
8	Tổng Phospho	mg/L	0,75	3,24	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD = 1,0)	4,05	SMEWW 5520B&F:2023
10	Coliform	MPN /100ml	4,0 x 10 ²	3000	SMEWW 9221B:2023

KT.Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không Phát Hiện, LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2611219

- Địa điểm lấy mẫu** : TRẠI CÒN BẦN
Địa chỉ: Ấp Long Thành, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long
- Phân loại mẫu** : Nước thải
- Thông tin mẫu** : NT2 – Nước thải đầu ra tại ao xử lý XL2. MHM: 2610175
- Ngày lấy mẫu** : 22/06/2026
- Ngày trả kết quả** : 06/07/2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A Kq=0,9; Kf=0,9	Phương pháp phân tích
1	pH	-	8,27	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	14	24,3	SMEWW 5210B:2023
3	COD	mg/L	27	60,75	SMEWW 5220C:2023
4	TSS	mg/L	19	40,5	TCVN 6625:2000
5	S ²⁻ (tính theo H ₂ S)	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	0,162	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023
6	N – NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD = 0,5)	4,05	TCVN 5988:1995
7	Tổng Nitơ	mg/L	10,8	16,2	TCVN 6638:2000
8	Tổng Phospho	mg/L	0,81	3,24	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD = 1,0)	4,05	SMEWW 5520B&F:2023
10	Coliform	MPN /100ml	4,3 x 10 ²	3000	SMEWW 9221B:2023

KT.Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không Phát Hiện, LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. An Hội Tây, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 2611220

1. Địa điểm lấy mẫu : TRẠI CÒN BÀN

Địa chỉ: Ấp Long Thành, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long

2. Phân loại mẫu : Nước thải3. Thông tin mẫu : NT3 – Nước thải đầu ra tại ao xử lý XL3. MHM: 26101764. Ngày lấy mẫu : 22/06/20265. Ngày trả kết quả : 06/07/2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A Kq=0,9; Kf=0,9	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,94	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	15	24,3	SMEWW 5210B:2023
3	COD	mg/L	27	60,75	SMEWW 5220C:2023
4	TSS	mg/L	18	40,5	TCVN 6625:2000
5	S ²⁻ (tính theo H ₂ S)	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	0,162	SMEWW 4500-S2-B&D:2023
6	N – NH ₄ ⁺	mg/L	KPH (LOD = 0,5)	4,05	TCVN 5988:1995
7	Tổng Nitơ	mg/L	9,8	16,2	TCVN 6638:2000
8	Tổng Phospho	mg/L	0,86	3,24	SMEWW 4500-P.B&E:2023
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD = 1,0)	4,05	SMEWW 5520B&F:2023
10	Coliform	MPN /100ml	5,4 x 10 ²	3000	SMEWW 9221B:2023

KT.Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không Phát Hiện, LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp